

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 13-8-2021

V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu;
2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Trung Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 7 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị KA, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn HC, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, thôn TH2, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Đang lao động ở tại Hàn Quốc.

(Chị KA và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-11-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị KA trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị KA và anh Phạm Quốc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội vào ngày 14-3-2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị KA và anh T chung sống hòa thuận đến tháng 01-2007 anh T được đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến năm 2018 thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do kinh tế eo hẹp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị KA và anh T sống ly thân từ năm 2018 đến nay và không có quan hệ gì với nhau, không hỏi han quan tâm đến nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống. Nay chị KA xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị KA và anh T không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ, chồng chị Nguyễn Thị KA và anh Phạm Quốc T có 02 con chung, gồm: con Phạm Nguyễn KL, sinh ngày 25-9-2005 và con Phạm Ánh MN, sinh ngày 29-4-2016, hiện nay hai con chung đang sống cùng với chị KA. Ly hôn, chị KA đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị KA được trực tiếp nuôi 02 con chung (con KL có đơn thể hiện ý kiến, nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ). Về cấp dưỡng nuôi con: Chị KA yêu cầu anh T mỗi tháng đóng góp cấp dưỡng nuôi một con Phạm Ánh MN một tháng là 3.000.000 đồng, một tháng đóng góp một lần, tính từ thời điểm giải quyết xong vụ án (tháng 8-2021) cho đến khi con MN đủ 18 tuổi, còn con Phạm Nguyễn KL chị KA sẽ có nghĩa vụ nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành.

Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị KA không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại Bản tự khai của bị đơn anh Phạm Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị KA tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội vào ngày 14-3-2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại thôn HC, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội, đến tháng 01-2007, anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến tháng 5-2018 thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ, chồng sống ly thân, từ năm 2018 đến nay và không quan tâm gì đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị KA không còn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị KA.

Về quan hệ con chung: Vợ, chồng anh Phạm Quốc T và chị Nguyễn Thị KA có 02 con chung, gồm: Con Phạm Nguyễn KL, sinh ngày 25-9-2005 và con Phạm Ánh MN, sinh ngày 29-4-2016, hiện nay hai con chung đang sống cùng với chị KA. Ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị KA trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ đóng góp cấp

đưỡng nuôi con Phạm Ánh MN 01 tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), cho đến khi con MN đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: Anh Phạm Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số: 5118/QLXNC-P5, ngày 09-3-2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, cung cấp thông tin cho Tòa án: Anh Phạm Quốc T, sinh ngày 08-10-1979, CMND số 1*****, từ năm 2007 đến nay đã xuất nhập cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 25-02-2010 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tại Công văn số: 477/PC06, ngày 05-7-2021 của Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Công an tỉnh Thái Bình, đã kiểm tra, đối chiếu vân tay trong tàng thư Căn cước công dân của anh Phạm Quốc T thì dấu vân tay của bàn tay phải và bàn tay trái được điểm chỉ trong 01 Bản tự khai, đề ngày 25-4-2021 và 01 Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt có chữ ký của anh Phạm Quốc T đề ngày 25-4-2021, đúng là của anh Phạm Quốc T, sinh ngày 08-10-1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, thôn TH2, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

Tại Biên bản xác minh ngày 19-5-2021 đối với bà Đinh Thị A, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn TH2, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ anh Phạm Quốc T) trình bày: Bà Đinh Thị A là mẹ đẻ của anh Phạm Quốc T, anh T và chị KA tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 14-3-2005 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TT, T phố Hà Nội. Vợ chồng anh T và chị KA chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh T ở nước ngoài, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, va chạm mỗi khi nói chuyện với nhau qua điện thoại. Anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ năm 2007 cho đến nay vẫn chưa trở về Việt Nam, bà A không biết địa chỉ cụ thể của anh T tại Hàn Quốc, nhưng anh T vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại và liên lạc thông qua mạng xã hội cho anh T, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình gửi cho anh T qua địa chỉ: Xóm 1, thôn TH2, xã AM, huyện QP, bà A đã thông báo và chụp ảnh các văn bản này gửi qua Zalo cho anh T, để anh T ở Hàn Quốc được biết, bà A công nhận chữ ký trong các văn bản gồm: 01 Bản tự khai, đề ngày 25-4-2021 và 01 Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt là đúng của anh Phạm Quốc T (con bà). Nay chị KA khởi kiện tại Tòa án xin ly hôn anh T, bà A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị KA được ly hôn với anh T theo đúng nguyện vọng của anh T và chị KA; về con chung và tài sản, bà A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 19-5-2021, Ủy ban nhân dân xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình đã cung cấp thông tin như sau: Anh Phạm Quốc T, sinh ngày 08-10-1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TH2, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. Hiện nay, anh T đang xuất khẩu lao động và cư trú ở nước ngoài (Hàn Quốc), địa chỉ cụ thể của anh T tại Hàn Quốc chính quyền địa phương không nắm được. Anh T và chị KA, sinh ngày 29-8-1981, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn HC, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 14-3-2005 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội là đúng. Chị KA và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn KL, sinh ngày 25-9-2005 và cháu Phạm Ánh MN, sinh ngày 29-4-2016, 02 cháu KL và MN hiện sống chung cùng với chị KA chứ không ở tại địa phương. Nay chị KA xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị KA khởi kiện xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 464, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để xử cho chị KA được ly hôn với anh T; về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn KL và Phạm Ánh MN cho chị KA trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Bị đơn là anh Phạm Quốc T phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi 01 con Phạm Ánh MN mỗi tháng là 3.000.000 đồng tính từ tháng 8-2021 cho đến khi con Phạm Ánh MN đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Quốc T đang ở nước ngoài (Hàn Quốc) căn cứ vào khoản 3 Điều 35 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn chị KA không biết địa chỉ của anh T nên không cung cấp được cụ thể địa chỉ ở nước ngoài của anh T cho Tòa án, nhưng anh T vẫn thường xuyên liên lạc về cho mẹ đẻ của anh T là bà Đinh Thị A và cho gia đình của anh T tại

Việt Nam, bà A mẹ đẻ của anh T không biết được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài (Hàn Quốc) nên không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Đinh Thị A (mẹ đẻ anh T) để bà A thông báo cho anh T, yêu cầu anh T gửi lời khai của anh đối với yêu cầu xin ly hôn của chị KA về cho Tòa án. Tòa án đã giao giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà A (mẹ đẻ anh T), đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng này tại thôn TH2, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình và Ủy ban nhân dân xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự chị KA và anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 170; Điều 173; Điều 174; Điều 177; Điều 179 và khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 464 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị KA và anh Phạm Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội ngày 14-3-2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng, chị KA và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ, chồng chị KA và anh T sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không có quan hệ gì với nhau, không hỏi han quan tâm đến nhau, sống bỏ mặc nhau ai muốn sống thế nào thì sống. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của vợ, chồng chị KA và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị KA. Áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết cho chị Nguyễn Thị KA được ly hôn với anh Phạm Quốc T.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ, chồng chị Nguyễn Thị KA và anh Phạm Quốc T có 02 con chung, gồm: Con Phạm Nguyễn KL, sinh ngày 25-9-2005 và con Phạm Ánh MN, sinh ngày 29-4-2016, hiện nay 02 con chung đang sống cùng với chị KA. Ly hôn, chị KA có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con Phạm Ánh MN một tháng là 3.000.000 đồng, một tháng đóng góp một lần, tính từ khi giải quyết xong vụ án (tháng 8-2021) cho đến khi con MN đủ 18 tuổi, chị KA có trách nhiệm nuôi dưỡng con Phạm Nguyễn KL; anh T đề nghị giao 02 con chung của vợ chồng cho chị KA trực tiếp nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng cho chị KA một tháng là 3.000.000 đồng để nuôi con

Phạm Ánh MN tính từ khi giải quyết xong vụ án (tháng 8-2021) cho đến khi con MN đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của nguyên đơn chị KA.

[4] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Khi nào có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị KA phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn anh Phạm Quốc T phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 464 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị KA được ly hôn anh Phạm Quốc T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung Phạm Nguyễn KL, sinh ngày 25-9-2005 và Phạm Ánh MN, sinh ngày 29-4-2016 cho chị Nguyễn Thị KA trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Quốc T phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị KA để nuôi con Phạm Ánh MN là 3.000.000 đồng/01 tháng, 01 tháng đóng góp 01 lần, tính từ tháng 8-2021 cho đến khi con Phạm Ánh MN đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Khi nào các bên có yêu cầu sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị KA phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị KA đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0005001, ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị Nguyễn Thị KA đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phạm Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị KA vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn anh Phạm Quốc T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã TH(Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Xuân Bằng